



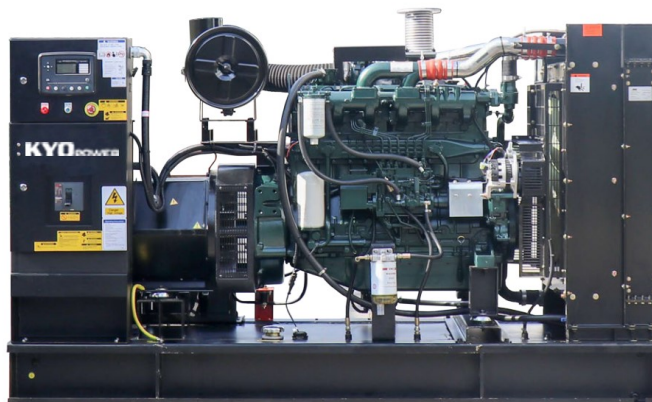
LÀM MÁT BẰNG NƯỚC



TẦN SỐ 50Hz



NHIÊN LIỆU DIESEL



Hình ảnh mang tính chất tham khảo

I. CÁC TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG:

- Tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO 9001:2015
- Tiêu chuẩn quản lý môi trường: ISO 14001:2015
- Tiêu chuẩn về công suất liên tục và công suất dự phòng của máy phát: ISO 8528-1:2005
- Tiêu chuẩn về công suất liên tục và công suất dự phòng của động cơ: ISO 3046
- Các tiêu chuẩn: EN 60034-1, EN 60204-1, EN61000-6-2, EN61000-6-4, EN 55014-1, EN 55011 standards and 2006/95/CEE, 2004/108/CEE, 2006/42/CEE
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam: TCVN 9729-1:2013; QCVN19:2009/BTNMT, TCVN 6627-6:2011

II. NHỮNG NÉT NỔI BẬT

KYOPower là dòng máy phát điện được sản xuất nhằm phục vụ người sử dụng với những đặc điểm ưu việt về hiệu suất làm việc, tính linh hoạt trong điều khiển vận hành cũng như một kiểu dáng mang tính mỹ thuật cao đi kèm với các tiêu chuẩn tốt nhất về môi trường.



Động cơ Doosan thiết kế gọn nhẹ, tính năng tốt, tiêu hao nhiên liệu thấp, độ ồn thấp và khí thải sạch



Đầu phát Stamford hiệu suất cao, khả năng vượt tải lớn

AVR

Hệ thống điều chỉnh điện áp bằng AVR có khả năng ổn định điện áp theo mọi chế độ tải, điều chỉnh điện áp đầu ra nhanh



Áp tô mát đóng ngắt cấp nguồn cho phụ tải, bảo vệ an toàn cho máy phát điện trong trường hợp ngắn mạch

Panel

Bảng điều khiển thiết kế hiện đại, tiên tiến với đầy đủ các chức năng hiển thị, bảo vệ, cảnh báo an toàn cho máy phát và thuận tiện cho người sử dụng

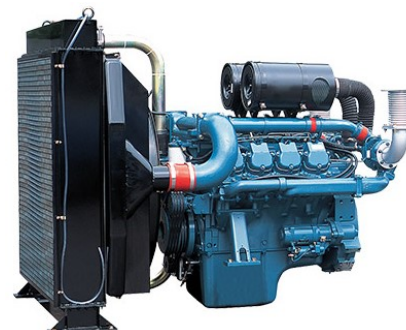


Bình nhiên liệu với dung tích lớn cho phép máy hoạt động liên tục trong nhiều giờ

II. THÔNG SỐ CHUNG

Số thứ tự dòng	NỘI DUNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	Chủng loại này	Máy phát điện 3 pha 4 dây
2	Model	THG330DST
3	Nhà sản xuất	Thiên Hòa An
4	Tình trạng, năm sản xuất	Tổ máy phát điện mới 100% được sản xuất, lắp ráp năm 2021 đến nay
5	Công suất liên tục (Prime power) kVA / kW	300 / 240
6	Công suất dự phòng (Standby) kVA / kW	330 / 264
7	Điện áp định mức V	380/220 - 400/230
8	Tần số Hz	50
9	Số pha, số dây	3 pha, 4 dây
10	Hệ số công suất Cos φ	0.8
11	Độ ổn định điện áp %	$\leq \pm 1$
12	Độ ổn định tần số %	≤ 5
13	Đóng tải 1 cấp	≥ 65 % tải định mức và đạt 100 % $\leq 10s$
14	Tốc độ quay Vòng/phút	1500
15	Khả năng hoạt động quá tải 110%	Có khả năng hoạt động với thời gian 1 giờ ở chế độ quá tải 110% trong khoảng thời gian hoạt động 12 giờ bất kỳ.
16	Độ ồn đo cách tâm máy 7m, 75% tải	≤ 75 dB ± 2 dB
17	Nhiên liệu sử dụng	Dầu Diesel thông dụng
18	Mức tiêu thụ nhiên liệu	≤ 63.1 lít/giờ tại 100% tải ≤ 47.0 lít/giờ tại 75% tải ≤ 31.3 lít/giờ tại 50% tải
19	Kích thước (D x R x C) cả vỏ cách âm mm	4155 x 1450 x 2255 mm
20	Trọng lượng khô có vỏ cách âm kg	3450
21	Bình nhiên liệu	Bằng thép, gắn liền với khung máy, dung tích bình nhiên liệu 600 lít
22	Hệ thống khởi động	Khởi động bằng đề điện ắc quy 24V, tự động sạc điện khi chạy máy

Số thứ tự dòng	NỘI DUNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
23	Cơ cấu chuyển động	Trực tiếp bằng khớp nối đồng trục
24	Kết cấu	Phần động cơ và đầu phát điện được nối ghép với nhau bằng cơ cấu khớp nối đồng trục, đảm bảo khả năng chịu chấn động cao.
25	Nguồn cấp điện khởi động	24V DC
26	Hệ thống làm mát	Làm mát bằng nước, kết hợp quạt gió đầu trục
27	Điều kiện hoạt động, vận hành	Toàn bộ các bộ phận được nhiệt đới hóa, phù hợp với điều kiện khí hậu tại Việt Nam, có khả năng hoạt động ở trong điều kiện nhiệt độ môi trường từ 0 đến 40 độ c và độ ẩm môi trường <80%.
28	Thùng chứa nhiên liệu	Gắn liền với khung bệ máy; được chế tạo chắc chắn, bằng thép đã qua xử lý hóa học để chống sự rỉ sét và tăng độ bám dính của sơn.
29	Khung – đế máy	Được thiết kế chắc chắn, chịu lực cao; sử dụng thép chữ U, I hoặc V có độ dày $\geq 2\text{mm}$; được xử lý bề mặt bằng hoá chất để chống oxy hóa và được sơn tĩnh điện
30	Hệ thống chống rung	Động cơ và đầu phát được lắp trên hệ thống cao su chống rung, đảm bảo khả năng chịu tải và chấn động cao
31	Có hệ thống nối dây đất bảo vệ	Có hệ thống nối đất
32	Xuất xứ	Việt Nam
33	Bảo hành	24 tháng hoặc 1500 giờ tùy theo điều kiện nào để trước
34	Website nhà sản xuất	http://www.thienhoaan.com

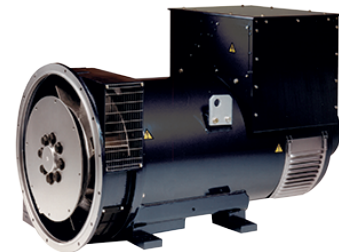


IV. THÔNG KỸ THUẬT ĐỘNG CƠ

Số thứ tự dòng	NỘI DUNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	Nhà sản xuất	DOOSAN – HÀN QUỐC
2	Model	P126TI-II
3	Xuất xứ	Hàn Quốc
4	Năm sản xuất	2021
5	Tình trạng	Mới 100%
6	Kiểu động cơ	Động cơ diesel, 4 kỳ, làm mát bằng nước kết hợp quạt gió
7	Tốc độ động cơ	rpm 1500
8	Công suất liên tục (Prime) (1500 rpm)	kW 265
9	Công suất dự phòng (1500rpm)	kW 294
10	Số xi lanh	6
11	Kiểu bố trí xi lanh	Thẳng hàng
12	Đường kính x Hành trình piston	mm 123 x 155
13	Tổng dung tích xi lanh	L 11.051
14	Tỷ số nén	17.1:1
15	Kiểu điều tốc	Điện tử
16	Hệ thống bôi trơn	Có bơm dầu bôi trơn, phin lọc bôi trơn, bầu lọc
17	Hệ thống cung cấp nhiên liệu	Bơm cao áp, phun trực tiếp
18	Nhiên liệu sử dụng	Diesel thông dụng
19	Hệ thống làm mát	- Làm mát bằng nước kết hợp với quạt gió đầu trực (có pha dung dịch chống đông + có kèm theo bình nước phụ) - Dung tích nước làm mát phần động cơ: 19 lít; - Dung tích nước làm mát có kết nước: 51 lít
20	Hệ thống nạp khí	Turbo tăng áp và làm mát liên tục
21	Dung tích dầu bôi trơn	L 23
22	Kiểu lọc khí	Kiểu khô
23	Hệ thống lọc	Lọc nhiên liệu, lọc gió, lọc nhớt và có thể thay thế được
24	Hệ thống khởi động	- Khởi động đề điện bằng ắc quy 24V, tự động sạc điện khi chạy máy - Công suất mô tơ khởi động: 24V-6kW - Máy phát nạp ắc quy: 28.5V-45A
25	Ắc quy	- Loại ắc quy 12-24VDC kín khí - Ắc quy được cố định hoàn toàn bên trong vỏ chống ồn, gồm đầy đủ các phụ kiện (giá đỡ, đầu cốt, cáp đầu nối)
26	Bộ sạc ắc quy điện lưới	Tiêu chuẩn theo máy
27	Cơ cấu chuyển động	Trực tiếp bằng khớp nối đồng trục
28	Website nhà sản xuất	https://www.doosan.com/kr



STAMFORD



V. THÔNG KỸ THUẬT ĐẦU PHÁT

Số thứ tự dòng	NỘI DUNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	Nhà sản xuất	Cummins Generator Technologies Ltd.
2	Thương hiệu	Stamford
3	Model	S4L1D-D41
4	Xuất xứ	EU
5	Năm sản xuất	2021
6	Tình trạng	Mới 100%
7	Loại đầu phát	Loại 3 pha, tự kích từ, không chổi than
8	Công suất liên tục	kVA 300
9	Công suất dự phòng	kVA 330
10	Điện áp định mức	V 380/220
11	Số pha, số dây	3 pha, 4 dây
12	Tần số định mức	Hz 50
13	Hệ số công suất	Cos φ 0.8
14	Tốc độ quay	rpm 1500
15	Số cực	4
16	Điều chỉnh điện áp	Tự động điều chỉnh bằng bộ AVR, cho phép hoạt động ở nhiều mức tải
17	Độ ổn định điện áp	$\leq \pm 1$
18	Cấp cách nhiệt	Cấp H
19	Cấp bảo vệ	IP 23
20	Hiệu suất đầu phát tại 100% công suất liên tục	% 92.7
21	Kết cấu đầu phát	Một ổ trục
22	Hệ thống làm mát	Trực tiếp bằng quạt li tâm
23	Website nhà sản xuất	https://www.stamford-avk.com/



VI. HỆ THỐNG GIÁM SÁT, ĐIỀU KHIỂN

Số thứ tự dòng	NỘI DUNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	Hãng sản xuất	DEEP SEA ELECTRONICS PLC UK
2	Model	DSE 7320 MKII
3	Xuất xứ	UK
4	Năm sản xuất	2021
5	Tính trạng	Mới 100%
6	Màn hình hiển thị	LCD
7	Tiêu chuẩn	BS EN 61000-6-2; BS EN 60950; BS EN 60068-2-1; BS EN 60068-2-2; BS EN 60068-2-6; BS EN 60068-2-30; BS EN 60068-2-78; BS EN 60068-2-27; BS EN 60529
8	Lắp đặt	Bộ điều khiển được gắn trực tiếp trên máy phát điện, bố trí panel điều khiển vị trí thuận tiện thao tác, dễ dàng giám sát điều khiển
9	Nút dừng khẩn cấp	Có nút dừng khẩn cấp lắp bên ngoài, dễ dàng thao tác.
10	Chân đấu Remotestart	Bộ điều khiển có chân Remotestart
11	Hệ thống điều khiển	- Ổ khóa cấp nguồn khởi động - Khởi động bằng tay (Start) - Dừng máy bằng tay (Stop/Reset Mode) - Chạy chế độ tự động (Auto) - Nút kiểm tra (Test) - Chạy chế độ nhân công (Man) - Nút dừng máy khẩn cấp. - Các phím chuyển chế độ hiển thị sang trái, phải, lên xuống - Đèn hiển thị các chế độ hoạt động của máy: RUN, STOP, AUTO, TEST. - Có 04 đèn báo trạng thái: Cảnh báo lỗi, cảnh báo bảo trì... - Có 04 đèn báo trạng thái: Máy phát, đóng tải, điện lưới - Chức năng AMF - Kết nối PC

Số thứ tự dòng	NỘI DUNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
12	Ngôn ngữ hiển thị trên màn hình	Tiếng Anh...
13	Cài đặt	- Cài đặt cấu hình thông qua các phím trên bộ điều khiển - Cài đặt trên PC thông qua cổng USB, RS 232 & RS 485 - Cài đặt các bộ định thời gian và cảnh báo; chỉ thị cảnh báo bằng đèn LED và trên màn hình LCD
14	Chức năng hiển thị	Hiển thị trên màn hình bằng điều khiển các thông số: - Điện áp máy phát (V) (ph-N) - Điện áp máy phát (V) (ph-ph) - Tần số máy phát (Hz) - Dòng điện các pha (A) - Công suất máy phát (ph-N)(kW, kVA, kvar) - Tổng công suất máy phát (kW, kVA, kvar) - Tải tích lũy của máy phát điện (kWh, kVAh, kvarh) - Hệ số công suất - Tốc độ động cơ - Áp suất dầu bôi trơn - Nhiệt độ nước làm mát - Điện áp sạc ắc quy - Thời gian hoạt động (h) - Mức nhiên liệu (%)
15	Chức năng bảo vệ và tự động dừng máy khi xảy ra sự cố sau	- Điện áp máy phát cao/thấp. - Tần số máy phát điện cao/thấp. - Nhiệt độ nước làm mát cao. - Áp suất dầu bôi trơn thấp. - Quá tải. - Động cơ vượt quá tốc độ cho phép. - Động cơ không đạt tốc độ. - Khởi động không thành công. - Mức nhiên liệu thấp hơn giới hạn cài đặt. - Nút dừng khẩn cấp đóng.
16	Chức năng cảnh báo khi xảy ra sự cố sau	- Điện áp máy phát cao/thấp. - Tần số máy phát điện cao/thấp. - Nhiệt độ nước làm mát cao. - Áp suất dầu bôi trơn thấp. - Quá tải. - Động cơ vượt quá tốc độ cho phép. - Động cơ không đạt tốc độ. - Khởi động không thành công. - Mức nhiên liệu thấp hơn giới hạn cài đặt. - Nút dừng khẩn cấp đóng - Điện sạc ắc quy thấp
17	Giao diện kết nối bộ ATS	Máy có giao diện kết nối với bộ ATS để thực hiện điều khiển tắt/bật máy phát điện khi không có điện lưới hoặc điều khiển cưỡng bức từ xa.
18	Website nhà sản xuất	https://www.deepseaelectronics.com/

VII. HỆ THỐNG NHIÊN LIỆU

Số thứ tự dòng	NỘI DUNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	Nhiên liệu sử dụng	Diesel thông dụng
2	Quy cách kỹ thuật	Bằng thép gắn liền với khung máy
3	Kiểu sơn	Sơn tĩnh điện
4	Dung tích bình nhiên liệu sẵn theo máy L	600
5	Dung tích bình nhiên liệu đảm bảo thời gian hoạt động liên tục tại 100% tải định mức h	9,5

VIII. HỆ THỐNG KHÍ THẢI

Số thứ tự dòng	NỘI DUNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	Ống bỏ	Toàn bộ hệ thống ống xả, các khớp nối mềm, ... được đặt trong vỏ giảm âm
2	Miệng ống xả và thoát nhiệt	Miệng ống xả và thoát nhiệt hướng lên trên nóc máy
3	Hệ thống thoát khí thải	Hệ thống thoát khí thải được thiết kế đảm bảo thông thoáng cho môi trường xung quanh

IX. HỆ THỐNG KHUNG BỆ

Số thứ tự dòng	NỘI DUNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	Vật liệu chế tạo	Thép tấm dày ≥ 2 mm
2	Khung bộ máy	Được thiết kế chắc chắn, chịu lực cao; sử dụng thép chữ U, I hoặc V; được xử lý bề mặt bằng hoá chất để chống oxy hóa
3	Kiểu sơn	Sơn tĩnh điện chống tác động của khí hậu nhiệt đới và nhiệt độ cao, chống ăn mòn.
4	Hệ thống chống rung	Động cơ và đầu phát được lắp trên hệ thống cao su chống rung, đảm bảo khả năng chịu tải và chấn động cao

X. VỎ CHỐNG ỒN

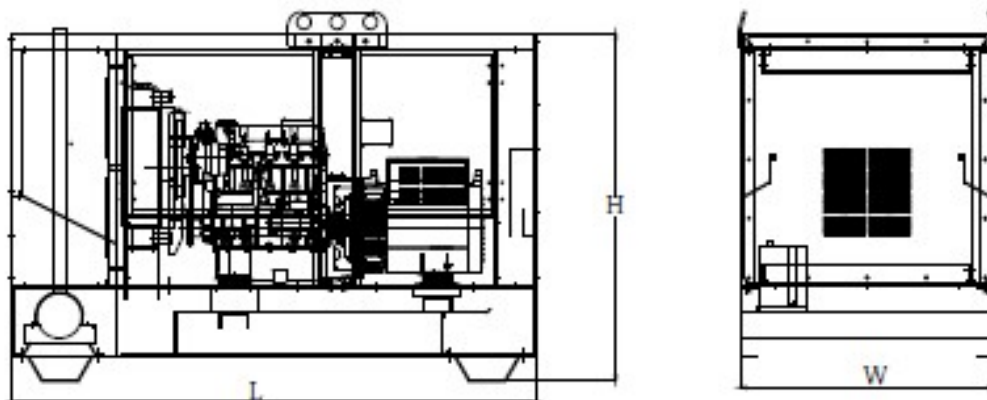
Số thứ tự dòng	NỘI DUNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	Kiểu vỏ chống ồn	Kiểu kín cách âm
2	Vật liệu chế tạo	Thép tấm PO dày ≥ 2 mm
3	Vật liệu chống ồn	Mút giảm âm chống chịu được nhiệt độ cao
4	Kiểu sơn	Sơn tĩnh điện chống tác động của khí hậu nhiệt đới và nhiệt độ cao, chống ăn mòn
5	Hệ thống cánh cửa	04 cánh cửa hai bên
6	Hệ thống khóa an toàn	Các cánh cửa được lắp khóa đảm bảo an toàn cho vỏ máy
7	Độ ồn đo cách tâm máy 7m (Đo trung bình 4 hướng)	$\leq 75 \pm 2$ dB
8	Cấu tạo vỏ chống ồn	- Có cánh cửa hai bên giúp cho thao tác vận hành, bảo trì, bảo dưỡng dễ dàng - Các ngõ kiểm tra nhiên liệu, tiếp nhiên liệu, nước làm mát được bố trí phù hợp để thuận tiện theo dõi, vận hành
9	Điều kiện hoạt động	Trong phòng máy hoặc ngoài trời
10	Hệ thống thông gió	Vỏ máy có các khoang lấy gió và thông gió đảm bảo máy chạy liên tục an toàn, không làm giảm công suất của máy.
11	Vị trí đặt ắc quy	Có vị trí lắp đặt ắc quy bên trong vỏ cách âm, dễ kiểm tra và đảm bảo an toàn

XI. HỆ THỐNG KẾT NỐI ĐIỆN ÁP RA, ATS

Số thứ tự dòng	NỘI DUNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	CB bảo vệ điện áp đầu ra	Có, phù hợp với công suất máy
2	Hệ thống kết nối điện động lực đầu ra	Kết nối sau CB
3	Giao diện kết nối ATS	Máy có giao diện kết nối với bộ ATS để thực hiện điều khiển tắt/bật máy phát điện khi không có điện lưới hoặc điều khiển cưỡng bức từ xa.
4	Kết nối sạc ắc quy điện lưới	Có

XII. HỆ THỐNG XẢ DẦU BÔI TRƠN, NHIÊN LIỆU

Số thứ tự dòng	NỘI DUNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	Xả dầu bôi trơn	Có ống thoát ra ngoài vỏ chống ồn kết hợp với vít khóa ở bên ngoài hỗ trợ thay dầu
2	Xả nhiên liệu	Có ống thoát ra ngoài vỏ chống ồn kết hợp với vít khóa ở bên ngoài hỗ trợ xả nhiên liệu

XIII. KÍCH THƯỚC, TRỌNG LƯỢNG


Số thứ tự dòng	NỘI DUNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	Dài (L)	mm 4155
2	Rộng (W)	mm 1450
3	Cao (H)	mm 2255
4	Trọng lượng khô có vỏ cách âm	Kg 3450
5	Khối lượng vận chuyển	m ³ ~13,6

XIV. THIẾT BỊ ĐI KÈM, TÀI LIỆU

Số thứ tự dòng	NỘI DUNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	Tài liệu kèm theo	- Tài liệu kỹ thuật Tiếng Việt - Tài liệu hướng dẫn vận hành Tiếng Việt
2	Phụ kiện kèm theo máy bao gồm	Ống xả, cắt cong, khớp nối mềm cho máy

XV. BẢNG THÔNG SỐ ĐẶC TRƯNG

Số thứ tự dòng	NỘI DUNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT
1	Bảng thông số đặc trưng	Có
2	Chất liệu	Bằng nhôm
3	Quy cách	Các thông số được in và ăn mòn trên bảng thông số
4	Lắp đặt	Được lắp đặt chắc chắn trên vỏ máy (Gắn bằng đinh rút vào vỏ máy)
5	Bố trí	Được gắn tại vị trí mặt máy cùng với cạnh gắn bảng điều khiển, thuận tiện quan sát và dễ đọc
6	Các thông tin trên bảng thông số đặc trưng	- Thương hiệu của tổ máy - Model máy - Tốc độ động cơ - Công suất liên tục - Công suất dự phòng - Điện áp định mức - Tần số định mức - Số pha - Hệ số công suất - Kích thước - Trọng lượng - Số serial - Tháng/năm sản xuất - Tên thương hiệu của nhà sản xuất - Website của nhà sản xuất - Địa chỉ, điện thoại của nhà sản xuất

Phân phối bởi: